TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI TỪ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/ HNGĐ - ST
Ngày: 24/8/2020
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hài
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Minh Côn
2. Ông Nguyễn Quang Hợp

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa bà Nguyễn Như Hảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2019/TLST - HNGĐ, ngày 13/5/2020 về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐST - HNGĐ, ngày 17/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1994 (Có mặt)
Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn G, sinh năm 1987 (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Xóm R, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày: Tôi và anh Nguyễn Tuấn G xây dựng gia đình năm 2011, trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn hai vợ chồng ở chung với gia đình nhà chồng được khoảng hơn 1 thì ra ăn, ở riêng, kinh tế và cuộc sống hoàn toàn độc lập. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh G hay rượu chè, chửi bới, đánh đập tôi nhiều lần, vợ chồng đã được gia đình khuyên bảo nhưng vẫn không có kết quả vẫn mâu thuẫn và trong năm 2018 tôi đi làm ăn thi thoảng vẫn về nhà thăm con. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 tới nay không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ, nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được với nhau. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Tôi và anh G có 02 con chung:
1. Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 03/10/2012
2. Nguyễn Minh K, sinh ngày 21/5/2016.

Hiện nay cả hai con đang ở với anh G từ khi vợ chồng sống ly thân. Khi ly hôn tôi nhất trí để anh G trực tiếp nuôi cả hai con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai của bị đơn là anh Nguyễn Tuấn G trình bày: Tôi và chị Vũ Thị H kết hôn năm 2011, trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới vợ chồng về sống cùng gia đình bố mẹ tôi được khoảng 2 năm thì vợ chồng ra ở riêng, kinh tế và cuộc sống hoàn toàn độc lập. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị H đi làm Công ty và ở trọ luôn Công ty, ít về gia đình. Vợ chồng có xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn. Từ tháng 4/2020 tới nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau, chị H thỉnh thoảng có về thăm con xong lại đi làm. Nay chị H xin ly hôn, tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, tôi vẫn động viên chị H quay về đoàn tụ, nhưng chị H không về, tôi không có phương án nào hòa giải để thuyết phục chị H quay về đoàn tụ, tôi đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ cho chúng tôi, trường hợp chị H kiên quyết ly hôn tôi không nhất trí.

Về con chung: Tôi và chị Hằng có 02 con chung:

1. Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 03/10/2012

2. Nguyễn Minh K, sinh ngày 21/5/2016.

Hiện nay cả hai con đang ở với tôi từ khi vợ chồng sống ly thân. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi cả hai con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị H giao nộp gồm: 01 trích lục kết hôn (bản sao); 02 trích lục khai sinh của con chung (cùng bản sao); 01 giấy chứng minh nhân dân của chị Hằng (bản sao). Anh Giang không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giải quyết việc xin ly hôn, chị đề nghị giao cả hai con chung cho anh G trực tiếp nuôi con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Tòa án xem xét, về tài sản không đề nghị Tòa án xem xét. Anh Nguyễn Tuấn G vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai (không lý do) mặc dù anh đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án:

Áp dụng Điều 28, 143, 147 và Điều 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tuấn G.

+ Về con chung: Giao hai con chung:

1. Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 03/10/2012

2. Nguyễn Minh K, sinh ngày 21/5/2016.

cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không xem xét.

+ Về tài sản: Không xem xét.

+ Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Giang vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được, do vậy vụ án phải đưa ra xét xử công khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công bố công khai tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung, về tài sản không đề nghị Tòa án xem xét theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn anh Nguyễn Tuấn G cư trú tại Xóm R, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Anh Nguyễn Tuấn G vắng mặt tại phiên tòa (lần 2) đã được triệu tập hợp lệ, Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt anh G là đúng quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Tuấn G kết hôn năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật, do đó được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị Hằng cho rằng sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh G hay rượu chè, chửi bới, đánh đập chị nhiều lần, vợ chồng đã được gia đình khuyên bảo nhưng vẫn không có kết quả vẫn mâu thuẫn và trong năm 2018 chị đi làm ăn thi thoảng vẫn về nhà thăm con, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 tới nay không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên quan điểm. Phía anh G cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị H đi làm Công ty và ở trọ luôn Công ty, ít về gia đình. Vợ chồng có xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn. Từ tháng 4/2020 tới nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau, chị H thỉnh thoảng có về thăm con xong lại đi làm. Nay chị H xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong chị H quay về đoàn tụ, hàn gắn cuộc sống vợ chồng nhưng chị Hằng

không về, tuy nhiên anh không có phương án nào hòa giải để thuyết phục, hòa giải với chị H để vợ chồng quay về đoàn tụ, tại phiên tòa anh vắng mặt lần thứ hai không lý do.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị H và anh G đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau…, do đó xét đề nghị xin ly hôn của chị H là có căn cứ cần chấp nhận đề nghị của chị H, cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn G là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết chị H và anh G đều xác định vợ chồng có 02 con chung:

1. Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 03/10/2012

2. Nguyễn Minh K, sinh ngày 21/5/2016.

Hiện nay cả hai con chung đều do anh G trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn chị H có nguyện vọng giao cả hai con chung cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị không đề nghị Tòa án xem xét, tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên quan điểm. Phía anh G có nguyện vọng trường không hòa giải đoàn tụ được anh xin được quyền trực tiếp nuôi cả hai con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh không đề nghị Tòa án xem xét, tại phiên tòa anh vắng mặt lần thứ hai không lý do. Tại bản khai con chung cháu Nguyễn Ngọc H đã trên 7 tuổi, cháu có nguyện vọng xin ở với anh G.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của chị H, anh G và cháu H là phù hợp quy định của pháp luật và hoàn toàn tự nguyện, nên cần giao cả hai con chung cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) trừ trường hợp chị H, anh G có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không xem xét. Về quyền thăm nom con chung chị H có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Quá trình giải quyết chị H, anh G cùng không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí LHST theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngµy 30/12/2016 cña Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H, cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Tuấn G.

2. Về con chung: Giao hai con chung:

1. Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 03/10/2012

2. Nguyễn Minh K, sinh ngày 21/5/2016.

cho anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi hai con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp chị H, anh G có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung: Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí. Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013315 ngày 13/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÀO NGỌC HÀI